

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
TRIẾT HỌC MÁC-LÊNIN  
(Dành cho sinh viên tất cả các chuyên ngành)**

**1. Thông tin chung về học phần Tên**

**học phần:**

Tiếng Việt: **Triết học Mác-Lênin**

Tiếng Anh: **Marxist- Leninist philosophy Mã**

**học phần:**

**Số tín chỉ: 3 tín chỉ**

**Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết**

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Làm bài tập nhóm và thảo luận: 15 tiết

+ Kiểm tra: 03 tiết

**Khoa, Bộ môn phụ trách học phần: Khoa Cơ bản, Bộ môn Lý luận chính trị Giảng viên phụ trách chính học phần:**

- Tên: Ths. Đinh Thế Lạp

- Chức danh: Trưởng Khoa Cơ bản, Trưởng Bộ môn Lý luận chính trị - Thông tin liên hệ: 0974690165; gmail: [dtlap49@gmail.com](mailto:dtlap49@gmail.com) Giảng viên cùng giảng dạy:

- Nguyễn Thị Hương

- Nguyễn Văn Quân

**2. Các môn học tiên quyết: Không có**

**3. Mục tiêu của học phần:**

**3.1. Mục tiêu chung:** Cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác-Lênin.

**3.2. Mục tiêu cụ thể:**

Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về Triết học Mác - Lenin, các quan điểm duy vật về tự nhiên và về xã hội, các nguyên lý của chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng gắn bó hết sức chặt chẽ với nhau thành một hệ thống lý luận thống nhất.

Về kỹ năng: Qua nghiên cứu môn học này, sinh viên bước đầu có được tư duy xây dựng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác.

Về thái độ: Giúp sinh viên nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác-Lênin.

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

[Chuẩn đầu ra của học phần là kiến thức, kỹ năng, thái độ, hành vi cần đạt được của sinh viên sau khi kết thúc học phần].

##### 4.1. Nội dung chuẩn đầu ra học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên:

**CLO 01:** Có khả năng **nhớ** được khái niệm và các vấn đề cơ bản của triết học.

**CLO 02:** Có khả năng **hiểu** được nguồn gốc ra đời của triết học Mác-Lênin và vai trò của Triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội.

**CLO 03:** Có khả năng **vận dụng** được kiến thức, sự hiểu biết về triết học Mác-Lênin để nâng cao trình độ lý luận, có được tư duy và kỹ năng đúng đắn, phù hợp khi phân tích cả về mặt lý luận và thực tiễn các vấn đề đặt ra trong cuộc sống.

**CLO 04:** Có khả năng tiếp thu một cách hiệu quả lý luận mới, những thành tựu khoa học - công nghệ của nhân loại, có niềm tin vào sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, có cơ sở khoa học chống lại tư tưởng lạc hậu, phản động.

**CLO 05:** Có khả năng **đánh giá** được, liên kết được kiến thức của học phần từ đó hình thành được quan điểm riêng của mình đối với các vấn đề kinh tế, xã hội của đất nước, có cái nhìn đúng đắn về các sự kiện kinh tế-xã hội trong nước và quốc tế.

**CLO 06:** Giúp sinh viên từng bước hình thành thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

##### 4.2. Ma trận nhất quán giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO):

[ Ghi chú: Mức độ đóng góp của CLO và PLO được xác định cụ thể như sau:

*L (low)* – CLO có đóng góp ít vào PLO

*M (medium)* – CLO có đóng góp vừa vào PLO

*H (high)* - CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: H – cao; M – vừa; L – thấp – phù thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, (mức M) hay mức thuần thực, thành thạo (H)). Xem chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo khi xây dựng bảng này]

|       | PLO 1 | PLO 2 | PLO 3 | PLO 4 | PLO 5 | PLO 6 | PLO 7 | PLO 8 | PLO 9 | PLO 10 |
|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|--------|
| CLO 1 | H     |       |       |       |       |       |       |       |       |        |
| CLO 2 | H     |       |       |       |       |       |       |       |       |        |
| CLO 3 | H     |       |       |       |       |       |       |       |       |        |
| CLO 4 | H     |       |       |       |       |       |       |       |       |        |
| CLO 5 | H     |       |       |       |       |       |       |       |       |        |
| CLO 6 | H     |       |       |       |       |       |       |       | M     |        |

|                                 |   |  |  |  |  |  |  |  |   |  |
|---------------------------------|---|--|--|--|--|--|--|--|---|--|
| TỔNG HỢP<br>TOÀN BỘ HỌC<br>PHẦN | H |  |  |  |  |  |  |  | M |  |
|---------------------------------|---|--|--|--|--|--|--|--|---|--|

**4.3. Ma trận nhất quán giữa phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá với chuẩn đầu ra học phần (CLO)**

| Hình thức đánh giá  | CLO 1 | CLO 2 | CLO 3 | CLO 4 | CLO 5 | CLO 6 |
|---|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| <b>Chuyên cần</b> (tham gia đủ 100% số buổi)  | H     | H     | M     |       | M     |       |
| <b>Hoạt động cá nhân tại lớp</b> (phát biểu, thảo luận, trả lời câu hỏi của gv)   | M     | H     | H     | M     | M     | M     |
| <b>Hoạt động cá nhân tại nhà</b> (tự học ở nhà theo y/c của gv, tìm kiếm tài liệu, làm bài tập về nhà, viết chuyên đề)  | M     | H     | M     | M     | M     | M     |
| <b>Hoạt động nhóm</b> (chuẩn bị bài thuyết trình, trình bày bài thuyết trình, phát biểu bảo vệ ý kiến của nhóm tại lớp) | H     | H     | H     | M     | M     | M     |
| <b>Thực hành</b> (tập diễn tình huống, thực tập, thí nghiệm)  |       |       |       |       |       |       |
| <b>Kiểm tra giữa kỳ</b>   | H     | M     | M     | M     | H     | M     |
| <b>Kiểm tra cuối kỳ</b> (tự luận, trắc nghiệm)  | H     | H     | H     | M     | M     | M     |

**4.4. Ma trận nhất quán giữa phương pháp dạy học với chuẩn đầu ra học phần (CLO)**

|   | CLO 1 | CLO 2 | CLO 3 | CLO 4 | CLO 5 | CLO 6 |
|---|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| <b>Dạy học nhóm</b>                                 | H     | H     | M     | H     | M     | M     |
| <b>Nghiên cứu tình huống điển hình</b> (Case study) |       | M     | H     | H     | H     | H     |
| <b>Trò chơi</b> (Gamification)                      |       |       |       |       |       |       |
| <b>Dạy học theo dự án</b> (Project-based learning)  |       |       |       |       |       |       |
| <b>Nêu và giải quyết vấn đề</b>                     |       | M     | H     | M     | M     | M     |

|  |   |   |   |   |   |   |
|--|---|---|---|---|---|---|
| <b>Sử dụng công nghệ trong dạy học</b> (máy móc, mạng online, phần mềm ứng dụng) | H | H | M | H | H | H |
|--|---|---|---|---|---|---|

#### 4.5. Ma trận nhất quán các bài học với chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Chú thích: I: Introduction/ Giới thiệu

P: Proficient/ Thuần thục, đủ

A: Advanced/ Nâng cao

|               | CLO 1 | CLO 2 | CLO 3 | CLO 4 | CLO 5 | CLO 6 |
|---------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| <b>Bài 1.</b> | I     | P     | P     | I     | P     | I     |
| <b>Bài 2.</b> | I     | A     | P     | I     | A     | A     |
| <b>Bài 3.</b> | P     | A     | P     | A     | I     | P     |
| <b>Bài 4.</b> | A     | P     | I     | P     | P     | A     |
| <b>Bài 5.</b> | I     | I     | A     | A     | I     | P     |
| <b>Bài 6</b>  | A     | A     | I     | I     | P     | A     |
| <b>Bài 7</b>  | P     | P     | A     | I     | I     | A     |
| <b>Bài 8</b>  | I     | I     | A     | A     | P     | I     |
| <b>Bài 9</b>  | A     | I     | A     | A     | A     | I     |
| <b>Bài 10</b> | A     | A     | I     | A     | P     | P     |

#### 5. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao - Tham gia 02 bài kiểm tra định kỳ.
- Tham gia thi kết thúc học phần.

#### 6. Học liệu:

##### 6.1. Tài liệu bắt buộc:

- Giáo trình

- Slides bài giảng của giảng viên

6.2. Tài liệu tham khảo:

- 1) Giáo trình Triết học Mác-Lênin. NXB Chính trị quốc gia. Hà Nội, 1999.
- 2) Giáo trình Triết học Mác-Lênin (tái biên, có sửa chữa, bổ sung). NXB Chính trị quốc gia. Hà Nội, 2010.
- 3) Giáo trình Triết học Mác-Lênin (cho hệ thống không chuyên lý luận chính trị). Hà Nội, 2019.

#### 7. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về Triết học Mác - Lenin, các quan điểm duy vật về tự nhiên và về xã hội, các nguyên lý của chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng gắn bó hết sức chặt chẽ với nhau thành một hệ thống lý luận thống nhất. Học phần giúp sinh viên nắm bắt được đối tượng, phương pháp học tập, nghiên cứu, bước đầu có được tư duy xây dựng thế giới quan duy vật và

phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác. Từ đó vận dụng vào xây dựng và phát triển kinh tế.

#### 8. Kế hoạch giảng dạy:

| Bài          | Nội dung giảng dạy                       | Số tiết |        | Nhiệm vụ của sinh viên     |
|--------------|--|---------|--------|----------------------------|
|              |  | LT, KT  | BT, TL |                            |
| <b>Bài 1</b> | Chương I. Triết học và vai trò của triết | 2 lý    | 1 thảo | Nghiên cứu giáo trình, tài |

| Bài | Nội dung giảng dạy  | Số tiết |                | Nhiệm vụ của sinh viên                                   |
|-----|---|---------|----------------|--|
|     |   | LT, KT  | BT, TL         |  |
|     | <p>học trong đời sống xã hội</p> <p>I. Triết học và vấn đề cơ bản của Triết học</p> <p><b>1.1. Khái lược về triết học.</b></p> <p>1.1.1. Nguồn gốc của triết học</p> <p>1.1.2. Khái niệm triết học</p> <p>1.1.3. Vấn đề đối tượng của triết học trong lịch sử</p> <p>1.1.4. Triết học – hạt nhân lý luận của thế giới quan.</p> | thuyết  | luận + bài tập | liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV |

|              |   |                             |                      |   |
|--------------|---|-----------------------------|----------------------|---|
| <b>Bài 2</b> | <p>Chương I (tiếp).</p> <p>Chương I. Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội</p> <p><b>1.2. Vấn đề cơ bản của triết học.</b></p> <p>1.2.1. Nội dung vấn đề cơ bản của triết học</p> <p>1.2.2. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm</p> <p>1.2.3. Thuyết Có thể biết (Thuyết khả tri) và Thuyết Không thể biết (thuyết Bất khả tri).</p> <p><b>1.3. Biện chứng và siêu hình.</b></p> <p>1.3.1. Khái niệm biện chứng và siêu hình trong lịch sử</p> <p>1.3.2. Các hình thức của phép biện chứng trong lịch sử.</p> | 2 lý thuyết                 | 1 thảo luận+ bài tập | Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV |
| <b>Bài 3</b> | <p>Chương I (tiếp)</p> <p>II. Triết học Mác-Lênin và vai trò của Triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội.</p> <p><b>2.1. Sự ra đời và phát triển của Triết học Mác-Lênin</b></p> <p>2.1.1. Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác</p> <p>2.1.2. Những thời kỳ chủ yếu trong sự hình thành và phát triển của triết học</p>  | 2 lý thuyết<br>2 tiết<br>KT | 1 thảo luận+ bài tập | Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV |

| <b>Bài</b> | <b>Nội dung giảng dạy</b> | <b>Số tiết</b> |               | <b>Nhiệm vụ của sinh viên</b> |
|------------|---------------------------|----------------|---------------|-------------------------------|
|            |                           | <b>LT, KT</b>  | <b>BT, TL</b> |                               |

|              |   |             |                      |   |
|--------------|---|-------------|----------------------|---|
|              | <p>Mác</p> <p>2.1.3. Thực chất và ý nghĩa cuộc cách mạng trong triết học do C. Mác và Ph. Ăngghen thực hiện.</p> <p>2.1.4. Giai đoạn Lênin trong sự phát triển Triết học Mác.</p> <p><b>2.2. Đối tượng và chức năng của Triết học Mác-Lênin</b></p> <p>2.2.1. Khái niệm Triết học Mác-Lênin</p> <p>2.2.2. Đối tượng của Triết học MácLênin</p> <p>2.2.3. Chức năng của Triết học MácLênin</p>   |             |                      |   |
| <b>Bài 4</b> | <p>Chương I. (tiếp)</p> <p><b>2.3. Vai trò của Triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay</b></p> <p>2.3.1. Triết học Mác-Lênin là thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng cho con người trong nhận thức và thực tiễn.</p> <p>2.3.2. Triết học Mác-Lênin là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận khoa học và cách mạng để phân tích xu hướng phát triển của xã hội trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại phát triển mạnh mẽ. 2.3.3. Triết học Mác-Lênin là cơ sở lý luận khoa học của công cuộc xây dựng xã hội trên thế giới và sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.</p> <p><b>Chương II. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.</b></p> <p><b>I. Vật chất và ý thức</b></p> <p>1.1.1. Quan niệm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật trước C. Mác</p> | 2 lý thuyết | 1 thảo luận+ bài tập | Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV |

| Bài | Nội dung giảng dạy | Số tiết | Nhiệm vụ của sinh viên |
|-----|--------------------|---------|------------------------|
|-----|--------------------|---------|------------------------|

|              |   | LT, KT      | BT, TL               |   |
|--------------|---|-------------|----------------------|---|
|              | về phạm trù vật chất.<br>1.1.2. Cuộc cách mạng trong khoa học tự nhiên cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và sự phá sản của các quan điểm duy vật siêu hình về vật chất.  |             |                      |   |
| <b>Bài 5</b> | <p>Chương II (tiếp)</p> <p>1.1.3. Quan niệm triết học Mác-Lênin về vật chất.</p> <p>1.1.4. Các hình thức tồn tại của vật chất.</p> <p>1.1.5. Tính thống nhất vật chất của thế giới.</p> <p><b>1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức</b></p> <p>1.2.1. Nguồn gốc của ý thức.</p> <p>1.2.2. Bản chất của ý thức.</p> <p>1.2.3. Kết cấu của ý thức.</p> | 2 lý thuyết | 1 thảo luận+ bài tập | Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV |



|              |   |             |                      |   |
|--------------|---|-------------|----------------------|---|
| <b>Bài 6</b> | <p>Chương II (tiếp)</p> <p><b>1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức</b></p> <p>1.3.1. Quan điểm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật siêu hình.</p> <p>1.3.2. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng.</p> <p><b>II. Phép biện chứng duy vật</b></p> <p><b>2.1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật</b></p> <p>2.1.1. Biện chứng khách quan và biện chứng chủ quan</p> <p>2.1.2. Khái niệm phép biện chứng duy vật.</p> <p><b>2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật</b></p> <p>2.2.1. Hai nguyên lý của phép biện chứng duy vật.</p> <p>2.2.2. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật.</p> | 2 lý thuyết | 1 thảo luận+ bài tập | Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV |
|--------------|---|-------------|----------------------|---|

| <b>Bài</b>   | <b>Nội dung giảng dạy</b>  | <b>Số tiết</b>                 |               | <b>Nhiệm vụ của sinh viên</b>   |
|--------------|--|--------------------------------|---------------|---|
|              |  | <b>LT, KT</b>                  | <b>BT, TL</b> |   |
|              | 2.2.3. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật.  |                                |               |   |
| <b>Bài 7</b> | <p>Kiểm tra định kỳ (90 phút)</p> <p>Chương II. (tiếp)</p> <p>III. Lý luận nhận thức</p> <p>3.1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng</p> <p>3.2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức</p> <p>3.3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức</p> <p>3.4. Các giai đoạn của quá trình nhận thức</p> <p>3.5. Tính chất của chân lý.</p> | 2 lý thuyết<br>2 tiết kiểm tra |               | Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV |

|              |  |             |                      |   |
|--------------|--|-------------|----------------------|---|
| <b>Bài 8</b> | <p><b>Chương III. Chủ nghĩa duy vật lịch sử</b></p> <p>I. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội</p> <p><b>1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội</b></p> <p><b>1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất</b></p> <p>1.2.1. Phương thức sản xuất</p> <p>1.2.2. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất</p> <p><b>1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng xã hội</b></p> <p>1.3.1. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội.</p> <p>1.3.2. Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội.</p> | 2 lý thuyết |                      | Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV |
| <b>Bài 9</b> | <p>Chương III (tiếp)</p> <p><b>1.4. Sự phát triển của các hình thái kinh tế- xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên</b></p> <p>1.4.1. Phạm trù hình thái kinh tế-xã hội</p>  | 2 lý thuyết | 1 thảo luận+ bài tập | Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV |

| <b>Bài</b> | <b>Nội dung giảng dạy</b>   | <b>Số tiết</b> |               | <b>Nhiệm vụ của sinh viên</b> |
|------------|---|----------------|---------------|-------------------------------|
|            |   | <b>LT, KT</b>  | <b>BT, TL</b> |                               |
|            | <p>1.4.2. Tiến trình lịch sử - tự nhiên của xã hội loài người</p> <p>1.4.3. Giá trị khoa học bền vững và ý nghĩa cách mạng.</p> |                |               |                               |

|               |  |             |                       |   |
|---------------|--|-------------|-----------------------|---|
| <b>Bài 10</b> | <p>Chương III (tiếp)</p> <p>II. Giai cấp và dân tộc</p> <p><b>2.1. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp</b></p> <p>1.1.1. Giai cấp</p> <p>1.1.2. Đấu tranh giai cấp</p> <p>1.1.3. Đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản.</p> <p><b>2.2. Dân tộc</b></p> <p>1.2.1. Các hình thức cộng đồng người trước khi hình thành dân tộc</p> <p>1.2.2. Dân tộc – hình thức cộng đồng người phổ biến hiện nay.</p>  | 2 lý thuyết | 1 thảo + bài tập luận | Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV |
| <b>Bài 11</b> | <p>Chương III (tiếp)</p> <p><b>2.3. Mối quan hệ giai cấp – dân tộc – nhân loại</b></p> <p>2.3.1. Quan hệ giai cấp - dân tộc</p> <p>2.3.2. Quan hệ giai cấp, dân tộc với nhân loại.</p> <p>III. Nhà nước và cách mạng xã hội.</p> <p><b>3.1. Nhà nước</b></p> <p>3.1.1. Nguồn gốc của nhà nước</p> <p>3.1.2. Bản chất của nhà nước</p> <p>3.1.3. Đặc trưng cơ bản của nhà nước</p> <p>3.1.4. Chức năng cơ bản của nhà nước</p> <p>3.1.5. Các kiểu và hình thức nhà nước</p> | 2 lý thuyết | 1 thảo luận+ bài tập  | Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV |
| <b>Bài 12</b> | <p>Chương III (tiếp)</p> <p><b>3.2. Cách mạng xã hội</b></p> <p>3.2.1. Nguồn gốc của cách mạng xã hội</p> <p>3.2.2. Bản chất của cách mạng xã hội</p> <p>3.2.3. Phương pháp cách mạng</p>  | 2 lý thuyết | 1 thảo luận+ bài tập  | Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV |

| Bài | Nội dung giảng dạy | Số tiết |        | Nhiệm vụ của sinh viên |
|-----|--------------------|---------|--------|------------------------|
|     |                    | LT, KT  | BT, TL |                        |
|     |                    |         |        |                        |

|               |   |                |                      |   |
|---------------|---|----------------|----------------------|---|
|               | <p>3.2.4. Vấn đề cách mạng xã hội trên thế giới hiện nay. <b>IV. Ý thức xã hội</b></p> <p><b>4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội</b></p> <p>4.1.1. Khái niệm tồn tại xã hội</p> <p>4.1.2. Các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội</p>  |                |                      |   |
| <b>Bài 13</b> | <p>Chương III (tiếp)</p> <p><b>4.2. Ý thức xã hội của kết cấu của ý thức xã hội</b></p> <p>4.2.1. Khái niệm ý thức xã hội</p> <p>4.2.2. Kết cấu của ý thức xã hội</p> <p>4.2.3. Tính giai cấp của ý thức xã hội</p> <p>4.2.4. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội</p> <p>4.2.5. Các hình thái ý thức xã hội.</p>  | 2 lý thuyết    | 1 thảo luận+ bài tập | Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV |
| <b>Bài 14</b> | <p>Chương III (tiếp)</p> <p><b>V. Triết học về con người</b></p> <p><b>5.1. Khái niệm con người và bản chất con người</b></p> <p>5.1.1. Con người là thực thể sinh học – xã hội</p> <p>5.1.2. Con người là sản phẩm của lịch sử và của chính bản thân con người</p> <p>5.1.3. Con người vừa là chủ thể của lịch sử, vừa là sản phẩm của lịch sử</p> <p>5.1.4. Bản chất con người là tổng hoà các quan hệ xã hội.</p> <p><b>5.2. Hiện tượng tha hoá con người và vấn đề giải phóng con người</b></p> <p>5.2.1. Thực chất của hiện tượng tha hoá con người là lao động của con người bị tha hoá.</p> <p>5.2.2. “Vĩnh viễn giải phóng toàn thể xã hội khỏi ách bóc lột, ách áp bức”</p> <p>5.2.3. “Sự phát triển tự do của mỗi</p> | 2 lý thuyết    | 1 thảo luận+ bài tập | Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV |
| <b>Bài</b>    | <b>Nội dung giảng dạy</b>   | <b>Số tiết</b> |                      | <b>Nhiệm vụ của sinh viên</b>   |

|               |   | LT, KT                                    | BT, TL    |   |
|---------------|---|---|-----------|---|
|               | người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”  |   |           |   |
| <b>Bài 15</b> | <p>Chương III (tiếp)</p> <p><b>5.3. Quan điểm của triết học Mác-Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội, về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử</b></p> <p>5.3.1. Quan hệ giữa cá nhân và xã hội</p> <p>5.3.2. Vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử.</p> <p><b>5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam</b></p> | <p>2 lý thuyết</p> <p>2 tiết kiểm tra</p> |           | Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV |
|               | <b>Tổng cộng</b>  | <b>33</b>                                 | <b>15</b> |   |

### 9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

- Tên giảng đường: 301, 401, 501, 601, 701, 801
- Danh mục trang thiết bị (bao gồm cả phương tiện công nghệ): Máy chiếu, màn hình chiếu, máy tính, bảng, phấn ...

### 10. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập:

#### 10.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá

Kết quả đánh giá học phần dựa trên đánh giá các hoạt động của sinh viên trong suốt quá trình học, kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần thể hiện thông qua bài đánh giá; chuẩn đầu ra học phần được đánh giá; tiêu chí, tiêu chuẩn và trọng số của các đánh giá.

| Thành phần đánh giá    | Bài đánh giá   | CĐR học phần   | Tiêu chí đánh giá  | Chuẩn đánh giá | Trọng số (%) |
|------------------------|--|----------------|--|----------------|--------------|
| A1. Đánh giá quá trình | A1.1: Chuẩn bị bài ở nhà                             | CLO 01, 07     | Trả lời được các câu hỏi của giảng viên.                   | Thang điểm 10  | 20           |
|                        | A1.2: Thái độ học tập, làm việc nhóm                 | CLO 02, 03, 06 | Tham gia đầy đủ các bài thảo luận                          | Thang điểm 10  | 20           |
| A2. Đánh giá cuối kỳ   | A2.1: Các bài báo cáo cá nhân                        | CLO 04, 05     | Viết tay; đánh máy, trình bày chi tiết, rõ ràng, chính xác | Thang điểm 10  | 20           |
|                        | A2.2: Thuyết trình kết quả thí nghiệm (báo cáo nhóm) | CLO 04, 05     | Báo cáo thuyết trình bằng file powerpoint                  | Thang điểm 10  | 20           |

|  |                       |               |               |         |    |
|--|-----------------------|---------------|---------------|---------|----|
|  | A2.3: Bài thi tự luận | CLO 01,       | 3 câu/10 điểm | Thang   | 20 |
|  |                       | 02, 05,<br>06 |               | điểm 10 |    |

## 10.2. Miêu tả chi tiết các bài tập và bộ tiêu chí đánh giá:

**Bài tập 01: Thảo luận nhóm.** Vì sao sự ra đời của triết học Mác là một tất yếu lịch sử và là một cuộc cách mạng trên lĩnh vực triết học?

### Mô tả chi tiết

Lớp được chia thành các nhóm từ 5 bạn trở lên

#### **Trước bài thảo luận mỗi nhóm cần:**

- (1) nghiên cứu kỹ đề tài thảo luận được cho trước
- (2) nhóm trưởng phân công các thành viên đọc các tài liệu được GV hướng dẫn và phân công thành viên ghi chép, thu thập tài liệu.
- (3) mỗi nhóm trình bày (bằng màn hình chiếu hoặc nói xuống, một người đại diện hoặc kết hợp các thành viên...) trước lớp khoảng 10 phút.
- (4) Trả lời câu hỏi, phản biện lại ý kiến của các nhóm khác.
- (5) Nghe giảng viên bộ môn nhận xét.

#### **Trong mỗi giờ học, giáo viên sẽ:**

- (1) lựa chọn một hoặc nhiều hơn các đề tài thảo luận.
- (2) gọi một hay hai nhóm **bất kỳ** lên trình bày về nội dung của đề tài được lựa chọn.
- (3) khuyến khích các bạn nhóm khác đặt câu hỏi về đề tài thảo luận
- (4) tóm tắt nội dung chính đã được trình bày và giải thích những phần kiến thức sinh viên hiểu sai hoặc còn thiếu sót.
- (5) nhấn mạnh các nội dung phân bài và các hoạt động nhằm giúp sinh viên hiểu đúng hơn, sâu hơn về nội dung buổi học.
- (6) Sau mỗi buổi thảo luận, **tất cả** các nhóm cần nộp lại sản phẩm đã chuẩn bị (kể cả nhóm không trình bày).

Giáo viên chấm điểm bài summary và trình bày của nhóm dựa vào tiêu chí chấm và thang đo dưới đây. Nếu nhóm trình bày nhiều hơn 1 lần trong khoá học thì lấy điểm trung bình.

**Tiêu chí đánh giá (Rubrics)**

| <b>Tiêu chí</b>   | <b>Yếu (dưới 5 điểm)</b>  | <b>Trung bình (5-6 điểm)</b>   | <b>Khá (7-8 điểm)</b>   | <b>Giỏi (9-10 điểm)</b>  |
|---|---|--|---|--|
| <b>(1) Nhận diện được các ý chính của bài thảo luận<br/>25%</b> | Bài trình bày thể hiện việc người học không nắm được nội dung bài, lạc đề, không đưa ra được các ý chính về bài thuyết trình.                     | Bài trình bày thể hiện việc người học chỉ hiểu một phần nhỏ nội dung chủ đề vì chỉ nhắc tới một vài ý chính của bài thuyết trình tương ứng với mục tiêu được giao.                         | Bài trình bày thể hiện việc người học hiểu khá tốt nội dung đề bài vì người học nói đúng nội dung, súc tích, đầy đủ.  | Bài trình bày thể hiện việc người học chuẩn bị nội dung phong phú, đúng với chủ đề, trình bày rõ ràng, đầy đủ.   |
| <b>(2) Mức độ đạt được mục tiêu được giao<br/>25%</b>           | Nội dung không liên quan đến chủ đề thảo luận được giao.  | Nội dung nhắc đến một phần mục tiêu của đề bài.  | Nội dung trình bày tương đối đầy đủ các mục tiêu của chủ đề thảo luận.  | Nội dung giúp người học thực hiện hoá được hết (các) mục tiêu chủ đề được giao.  |
| <b>(3) Tính rõ ràng<br/>20%</b>                                 | Có rất ít sự liên kết giữa các nội dung được trình bày. Thông tin đưa ra thường không liên quan đến ý cần nói. Nội dung thiếu thông tin chi tiết. | Có thể nhìn thấy tính liên kết giữa các nội dung được trình bày tuy chưa hoàn toàn rõ ràng. Thông tin đưa ra phần lớn có liên quan đến ý cần nói. Nội dung có kèm theo thông tin chi tiết. | Liên kết giữa các nội dung được trình bày khá rõ ràng. Thông tin đưa ra liên quan đến ý cần nói. Nội dung được phát triển đầy đủ kèm theo thông tin chi tiết phù hợp. | Liên kết giữa các nội dung được trình bày rõ ràng. Thông tin đưa ra liên quan đến ý cần nói. Nội dung được bố cục chặt chẽ và phát triển đầy đủ kèm theo thông tin chi tiết phù hợp. |

|  |   |  |   |  |
|--|---|--|---|--|
| <p><b>(4) khả năng làm việc nhóm, 10%</b></p>      | <p>Rời rạc, không có liên kết, chuẩn bị nội dung sơ sài.</p>  | <p>2/3 số thành viên tham gia đóng góp bài thuyết trình, nhưng các thành viên ít tương tác, sản phẩm không được phong phú về hình ảnh, nội dung.</p> | <p>Các thành viên tham gia đầy đủ, nội dung phong phú.</p>                                | <p>Các thành viên tham gia đầy đủ, nội dung phong phú, các thành viên hỗ trợ nhau phản biện, trình bày sinh động, có sử dụng công nghệ.</p>              |
| <p><b>(5) Người thuyết trình 10%</b></p>           | <p>Người trình bày nói không rõ ràng và ngập ngừng nhiều (dài). Không mạch lạc, nói vấp, nói sai.</p> | <p>Người trình bày nói chậm, không có ngữ điệu.</p>  | <p>Người thuyết trình nói to, rõ ràng, có tiết tấu, tốc độ vừa phải.</p>                  | <p>Người thuyết trình nói to, rõ ràng, có tiết tấu, tốc độ vừa phải, kết hợp các thành viên cùng tham gia thuyết trình, có tương tác với người nghe.</p> |
| <p><b>(6) Trả lời câu hỏi của khán giả 10%</b></p> | <p>Không trả lời được câu hỏi nào từ bạn/ giáo viên.</p>  | <p>Không trả lời được một số câu hỏi hoặc thể hiện sự khó khăn và còn thiếu kiến thức về chủ đề được hỏi.</p>  | <p>Hầu hết các câu hỏi được trả lời và thể hiện hiểu biết khá tốt về chủ đề được hỏi.</p> | <p>Tất cả các câu hỏi được trả lời và thể hiện hiểu biết sâu sắc về chủ đề được hỏi.</p>   |

*Chú ý: Giáo viên có thể linh hoạt theo từng lớp.*

- Nếu có thời gian và trình độ chung về THT của lớp tốt, giáo viên có thể yêu cầu SV thuyết trình, dùng 2 tiêu chí cuối.
- Nếu lớp có trình độ chung về THT chưa tốt lắm. và sinh viên cần nhiều hỗ trợ của giáo viên hơn về mặt nội dung, thì giáo viên có thể không yêu cầu SV thuyết trình mà chỉ chuẩn bị bài như yêu cầu. Thời gian còn lại dùng cho các hoạt động thảo luận. Như vậy 2 tiêu chí dưới cùng không dùng, và 20% điểm đó có thể được cộng vào tiêu chí 3 và 4.

## **Bài tập 02: Kiểm tra viết (tự luận) Câu**

**hỏi dự kiến:**

- 1) Trình bày các quan niệm cơ bản của triết học duy vật về vật chất?
- 2) Mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội? **Mô tả chi tiết**



Sinh viên làm việc độc lập:

(1) Sinh viên sẽ được đánh số báo danh và phát đề chẵn-lẻ. Điểm bài viết của sinh viên sẽ được cộng với điểm tham gia thảo luận, điểm kiểm tra miệng sau đó chia trung bình và được tính là điểm kiểm tra định kỳ.

(2) các bài viết này thể hiện các hoạt động học tập sinh viên đã thực hiện và khả năng áp dụng những gì đã được học.

#### Tiêu chí đánh giá bài viết

| Thang điểm | Nội dung bài viết  | Tính mạch lạc và liên kết văn bản   | Hiệu ứng đối với người đọc                |
|------------|--|---|---|
| 9- 10      | Nội dung đầy đủ và xuất sắc yêu cầu bài viết Đề cập được các ý chính và mở rộng được ý bằng các ví dụ      | Bố cục rõ ràng, văn phong mạch lạc.   | Tạo ấn tượng tốt với người đọc            |
| 7- 8       | Thực hiện đầy đủ yêu cầu bài viết<br>Trả lời đủ các ý theo yêu cầu bài viết                                | Nhìn chung bài có bố cục rõ ràng, văn phong phù hợp.  | Tạo ấn tượng tích cực đối với người đọc.  |
| 5- 6       | Thực hiện được một số các yêu cầu bài viết Có đủ các ý chính tuy có thể thêm một vài ý nhỏ khác            | Bố cục bài viết chưa thực sự tốt, câu cú còn đôi chỗ lủng củng.                                       | Tạo ấn tượng thỏa đáng đối với người đọc. |
| 3- 4       | Thực hiện chưa đầy đủ yêu cầu bài viết<br>Thiếu một số ý cơ bản trong bài viết hoặc ý không phù hợp        | Bố cục không rõ ràng, văn phong viết không phù hợp.   | Tạo ấn tượng chưa tốt đối với người đọc.  |
| 1- 2       | Bài thiếu ý, ý không phù hợp hoặc do hiểu sai yêu cầu bài viết   | Bố cục không rõ ràng gây khó hiểu hoặc không truyền đạt được thông tin.<br>Viết không đúng văn phong. | Tạo ấn tượng không tốt đối với người đọc. |
| 0          | Không đạt được yêu cầu nào. Viết được dưới 25% số từ được yêu cầu hoặc bài viết không phù hợp về nội dung. |   |   |

#### 10.3. Chính sách trong kiểm tra, đánh giá:

- Sinh viên vắng mặt quá 20% số buổi sẽ không được làm bài thi kết thúc học phần. - Có điểm thưởng cho sinh viên tích cực phát biểu, ham học hỏi, có sự sáng tạo trong thảo luận, tranh biện.

*Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2019*

**Trưởng Khoa**



**ThS.Đình Thế Lạp**

**Trưởng bộ môn**



**ThS.Đình Thế Lạp**

**Người soạn Đề cương**



**ThS. Đình Thế Lạp**